

Số: **853** /QĐ-UBND

Trạm Tấu, ngày **31** tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và tài sản để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nối Quốc lộ 32(thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái - Đợt 27**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 năm 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP*

ngày 06 tháng 01 năm 2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020; Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về việc bồi thường nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về việc bồi thường đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Công văn số 2990/UBND-TNMT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái hướng dẫn trình tự, thủ tục việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Mạnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính thu hồi đất số 36(1)-2022, 36(6)-2022, 36(7)-2022, 36(8)-2022 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái xác nhận ngày 16 tháng 5 năm 2022; Mạnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính thu hồi đất số 68-2024 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái xác nhận ngày 26 tháng 6 năm 2024

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 280, 295, 304, 307, 308, 313, 317/TB-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022; Thông báo thu hồi đất số 62/TB-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tấu kiện toàn Hội đồng thẩm định và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái. Địa điểm: xã Phình Hồ, xã Hát Lừu huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện Trạm Tấu tại Tờ trình số 07/TTr-HĐTĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và tài sản để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái - Đợt 27, cụ thể như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất và tài sản gắn liền với đất: 21 hộ.
2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **350.898.800** đồng. Trong đó:
  - Bồi thường, hỗ trợ về đất: 152.828.100 đồng.
  - Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: 9.488.700 đồng.
  - Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu: 188.582.000 đồng.
  - Kinh phí hỗ trợ khác: 0 đồng.
3. Nghĩa vụ tài chính: 0 đồng.

4. Nguồn kinh phí: Do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Yên Bái tự bố trí.

(Có Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo)

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phình Hồ: Có trách nhiệm giao Quyết định này cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án tại Điều 1; trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án tại Điều 1 không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định

này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phình Hồ; tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư thôn Suối Xuân, Tà Chử, xã Phình Hồ.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Yên Bái, Ủy ban nhân dân xã Phình Hồ tổ chức thực hiện theo các nội dung phương án đã được phê duyệt; chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các đối tượng bị thu hồi đất theo đúng quy định.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin: Có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của huyện Trạm Tấu.

### Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cơ quan, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (đ/c Hưng);
- Thanh tra huyện;
- Các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Yên Bái;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trạm Tấu;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, HETĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Hưng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CỬ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án án đầu tư xây dựng Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái - Đợt 27  
(Kèm theo Quyết định số: **853/QĐ-UBND** ngày **31/11/2024** của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Chủ sử dụng đất	Tổng DT đất thu hồi (m <sup>2</sup> )		Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đồng)	Bồi thường bằng đất ở, nhà ở TĐC		Tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường về đất và tiền đất ở, nhà ở TĐC (đồng)		Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi (đồng)		Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác (đồng)	Khấu trừ nghĩa vụ tài chính phải nộp (đồng)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đồng)	Ghi chú
		Đất ở	Đất NN và đất khác		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng)	Người bị thu hồi đất phải nộp	Người bị thu hồi đất được nhận	Cây cối hoa màu	Vật kiến trúc				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=8+10+11-13	15
<b>I. Kinh phí bồi thường hỗ trợ</b>														
1	Sùng A Nu	193,5	1.288,9	152.828.100	-	-	-	-	188.582.000	9.488.700	-	-	350.898.800	
2	Giàng A Trừ	12,4	418,1	11.742.800					10.262.000	2.505.300			24.510.100	
3	Giàng A Lữ								32.630.000				32.630.000	
4	Sùng A Chua								6.605.000				6.605.000	
5	Hờ A Giao								4.445.000				4.445.000	
6	Hờ Rua Nhà								35.880.000				35.880.000	
7	Sùng Sáu Cua								3.900.000				3.900.000	
8	Lý A Chu - Sùng Thị Súa								4.420.000				4.420.000	
9	Sùng A Giao								14.690.000				14.690.000	
10	Sùng A Tổng								3.300.000				3.300.000	
11	Sùng A Cha								2.590.000				2.590.000	
12	Sùng A Pủa		121,2						7.180.000				7.180.000	
13	Giàng A Dao - Sùng Thị Sầu								14.700.000				14.700.000	
14	Giàng A Thảo	28,1		26.610.700					2.000.000				2.000.000	
15	Sùng A Chính	1,8		1.704.600					10.667.000	4.365.000			41.642.700	
16	Sùng A Đơ	36,0	34,2	34.092.000					4.500.000	2.618.400			36.710.400	

